

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **683** /BKHCN-KHTC

V/v Hướng dẫn xây dựng kế hoạch khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và dự toán ngân sách khoa học và công nghệ năm 2023

Hà Nội, ngày **31** tháng 3 năm 2022

Kính gửi:

- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025; tiếp theo Công văn số 2062/BKHCN-KHTC ngày 15 tháng 7 năm 2020 hướng dẫn xây dựng khung kế hoạch khoa học và công nghệ 5 năm 2021 - 2025; để đảm bảo tiến độ xây dựng kế hoạch, dự toán ngân sách khoa học và công nghệ năm 2023 theo đúng quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ và pháp luật về ngân sách nhà nước, Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) hướng dẫn các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là các bộ, cơ quan trung ương và địa phương) xây dựng kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH, CN & ĐMST), dự toán ngân sách KH&CN năm 2023 như sau:

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KH, CN & ĐMST, DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KH&CN NĂM 2022

I. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch KH, CN & ĐMST 06 tháng đầu năm và ước thực hiện 06 tháng cuối năm 2022

1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch KH, CN & ĐMST năm 2022 theo hướng dẫn dưới đây và hệ thống Biểu mẫu báo cáo tại Phụ lục 1 kèm theo công văn. Báo cáo đánh giá phải thể hiện được:

a) Kết quả nổi bật của hoạt động KH, CN & ĐMST thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; hoạt động ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Đánh giá về: tác động của các kết quả nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ vào phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao trình độ và năng lực công nghệ sản xuất, cải thiện hiệu quả sản xuất, kinh doanh của ngành, lĩnh vực, địa phương, đóng góp trong việc hỗ trợ phục hồi phát triển kinh tế sau đại dịch COVID-19, tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm thúc đẩy hình thành liên kết sản xuất

theo chuỗi giá trị (theo ba trục sản phẩm: Sản phẩm quốc gia, Sản phẩm chủ lực địa phương, Sản phẩm OCOP) để nâng cao chất lượng và giá trị, hiệu quả sản xuất và sức cạnh tranh.

Đánh giá kết quả của việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN các cấp: nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, nhiệm vụ KH&CN đặc biệt, chương trình và nhiệm vụ KH&CN trọng điểm cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở và nhiệm vụ thường xuyên, các chương trình phối hợp với Bộ KH&CN (nếu có). Đánh giá kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ tìm kiếm, chuyển giao công nghệ, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, kết quả hoạt động phát triển công nghệ, hỗ trợ ứng dụng và đổi mới công nghệ trong ngành, lĩnh vực, địa phương.

Lưu ý hiệu quả của hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cần được thể hiện rõ bằng giá trị khoa học (số lượng công trình nghiên cứu đã công bố quốc tế và trong nước; số lượng các sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và các đối tượng quyền sở hữu công nghiệp khác được cấp văn bằng bảo hộ) và giá trị thực tế (doanh thu, lợi nhuận, bảo vệ môi trường, số lượng người được tập huấn, đào tạo do hoạt động tư vấn, chuyển giao công nghệ, khai thác tài sản trí tuệ mang lại).

b) Kết quả nổi bật của hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực KH, CN & ĐMST, hỗ trợ sản xuất, kinh doanh trong từng lĩnh vực, cụ thể:

(i) Lĩnh vực Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng

- Kết quả hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng;

- Tình hình và kết quả thực hiện việc xây dựng, thẩm định, công bố, ban hành và tổ chức áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật;

- Kết quả hoạt động đánh giá sự phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; kết quả hoạt động kiểm tra chất lượng hàng hoá trong sản xuất, kinh doanh và nhập khẩu;

- Kết quả hoạt động quản lý đo lường, quản lý phương tiện đo;

- Đánh giá kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thuộc chương trình, đề án, kế hoạch do Thủ tướng Chính phủ ban hành (Quyết định số 1322/QĐ-TTg ban hành Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 996/QĐ-TTg phê duyệt Đề án tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường để hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 100/QĐ-QĐ-TTg phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc;

Quyết định số 36/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021-2030).

(ii) Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ

- Kết quả ban hành cơ chế, chính sách và văn bản hướng dẫn triển khai Chương trình phát triển tài sản trí tuệ theo Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ;

- Kết quả thực hiện Chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030 theo Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ; công tác hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ.

(iii) Lĩnh vực Năng lượng nguyên tử

- Kết quả nổi bật của hoạt động quản lý nhà nước về phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình;

- Tình hình thực hiện cơ chế, chính sách và quy định pháp luật về năng lượng nguyên tử;

- Kết quả ứng dụng năng lượng nguyên tử phục vụ phát triển các ngành, lĩnh vực vào đời sống, nâng cao trình độ và năng lực công nghệ sản xuất, hiệu quả sản xuất, kinh doanh phục vụ phát triển kinh tế - xã hội...;

- Các giải pháp thúc đẩy phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử.

(iv) Tình hình hợp tác và hội nhập quốc tế về KH, CN & ĐMST

- Các hoạt động hợp tác và hội nhập quốc tế về KH&CN trong các lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng; sở hữu trí tuệ; ứng dụng đổi mới công nghệ; an toàn, bức xạ hạt nhân và nghiên cứu, ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình;

- Hoạt động hợp tác với các đối tác trong khu vực và thế giới trong lĩnh vực KH&CN; việc thực hiện nghĩa vụ thành viên của Việt Nam đối với các cam kết quốc tế; kết quả tham gia các tổ chức, diễn đàn hợp tác đa phương;

- Kết quả thu hút nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài và các chuyên gia nước ngoài tham gia vào các hoạt động KH, CN & ĐMST trong nước.

(v) Kết quả thực hiện các công tác đánh giá, thẩm định và giám định công nghệ.

(vi) Kết quả phát triển doanh nghiệp KH&CN, thị trường KH&CN và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.

(vii) Kết quả thực hiện công tác thông tin và thống kê KH&CN.

c) Kết quả và tình hình thực hiện các cơ chế và chính sách quản lý KH, CN & ĐMST, trong đó đặc biệt chú ý tình hình thực hiện: cơ chế, chính sách về tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập; cơ chế, chính sách về quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước; cơ chế, chính sách về sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN; cơ chế, chính sách và quy định quản lý tài chính liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN; cơ chế, chính sách về Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp v.v...

d) Việc triển khai cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập theo quy định hiện hành; thực hiện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về KH&CN ở địa phương; thực hiện quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý (sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050).

đ) Tình hình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ không thường xuyên khác theo hướng dẫn của Bộ KH&CN về việc Hướng dẫn nội dung kế hoạch và dự toán chi sự nghiệp KH&CN từ ngân sách trung ương năm 2022 cho các bộ, cơ quan trung ương và các tỉnh, thành phố.

e) Đối với các bộ, cơ quan trung ương có các phòng thí nghiệm trọng điểm: Căn cứ quy định tại Thông tư số 06/2010/TT-BKHCN ngày 02 tháng 7 năm 2010, đánh giá tình hình thực hiện các nội dung và sử dụng kinh phí hỗ trợ chi thường xuyên năm 2022 cho các hoạt động của phòng thí nghiệm trọng điểm; đề xuất với Bộ KH&CN và các cơ quan liên quan về giải pháp xử lý các vướng mắc, tồn tại trong hoạt động của phòng thí nghiệm trọng điểm; giải pháp điều chỉnh hoạt động của phòng thí nghiệm trọng điểm (bao gồm cả cơ chế hoạt động của Hội đồng Phòng thí nghiệm trọng điểm) để khẳng định sự cần thiết phải tiếp tục đầu tư, hỗ trợ từ ngân sách nhà nước hoặc có thể tự chủ về tài chính trong giai đoạn 2023-2025.

2. Các Văn phòng Chương trình (các đơn vị được giao quản lý kinh phí), Ban Chủ nhiệm Chương trình KH&CN quốc gia (bao gồm các Ban Chủ nhiệm Chương trình KH&CN quốc gia/nhiệm vụ KH&CN đặc biệt) phối hợp với các đơn vị quản lý nhiệm vụ đánh giá, báo cáo tình hình triển khai thực hiện trong năm 2021 (đối với những chương trình đã và đang thực hiện) và 06 tháng đầu năm 2022 những thuận lợi, khó khăn và kiến nghị hướng giải quyết để Bộ KH&CN kịp thời điều chỉnh các quy định về tổ chức quản lý các Chương trình KH&CN cấp quốc gia giai đoạn 2022 - 2025 cho phù hợp.

3. Đối với các bộ, cơ quan trung ương được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ chủ trì các Chương trình Sản phẩm quốc gia về KH&CN; các nhiệm

vụ KH&CN đặc biệt¹, Đề án hoặc các Chương trình KH&CN trọng điểm cấp quốc gia²..., tổ chức đánh giá kết quả thực hiện năm 2021 và 06 tháng đầu năm 2022 theo các nội dung đã được phê duyệt làm cơ sở để Bộ KH&CN tổng hợp báo cáo Chính phủ, Quốc hội.

4. Đối với các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, nhiệm vụ tăng cường năng lực hỗ trợ nghiên cứu và nâng cấp trang thiết bị cho các phòng thí nghiệm, chống xuống cấp các tổ chức KH&CN, Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng... có sử dụng kinh phí sự nghiệp KH&CN hoặc kinh phí đầu tư phát triển cho KH&CN, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương cần báo cáo chi tiết tình hình phân bổ dự toán (chú ý nêu rõ kinh phí phân bổ đầu tư trực tiếp cho KH&CN so với tổng kinh phí được Trung ương cân đối), tình hình giải ngân, hiệu quả đầu tư v.v... để có căn cứ khẳng định sự cần thiết phải tiếp tục thực hiện hoặc có chủ trương đầu tư cho các nhiệm vụ mới giai đoạn 2023 - 2025.

5. Báo cáo tình hình phân bổ và kết quả thực hiện dự toán ngân sách cho hoạt động KH, CN & ĐMST năm 2022 giao cho từng bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện trong 6 tháng đầu năm 2022, ước thực hiện đến hết tháng 12 năm 2022.

Trên cơ sở báo cáo của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương về tình hình phân bổ và đánh giá kết quả thực hiện dự toán ngân sách cho hoạt động KH, CN & ĐMST năm 2022, theo chức năng, nhiệm vụ được giao tại Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ KH&CN và Nghị định 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN, Bộ KH&CN sẽ thực hiện giám sát việc sử dụng ngân sách năm 2022 cho hoạt động KH, CN & ĐMST tại các bộ, cơ quan trung ương và địa phương làm cơ sở để tổng hợp đề xuất kế hoạch và dự toán ngân sách cho hoạt động KH, CN & ĐMST năm 2023.

II. Khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị

Nêu rõ các khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị về việc tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động KH, CN & ĐMST của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, đề xuất xây dựng cơ chế, chính sách bảo đảm hiệu quả của hoạt động KH, CN & ĐMST cho giai đoạn 2023-2025.

¹ Bộ Quốc phòng (03 SPQG); Văn phòng Trung ương Đảng (KX.04/21-25); Đại học Quốc gia Hà Nội (Bộ địa chỉ Quốc gia Việt Nam); Viện Hàn lâm KHXH VN (Đề án biên soạn Bách khoa thư).

² Bộ Công thương (Chương trình khai thác và chế biến khoáng sản).

B. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KH&CN NĂM 2023

I. Nguyên tắc xây dựng kế hoạch năm 2023

1. Nguyên tắc chung

Kế hoạch và dự toán ngân sách cho KH, CN & ĐMST năm 2023 đảm bảo xây dựng theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật KH&CN, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn; Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021 - 2025, có đầy đủ thuyết minh cơ sở pháp lý, căn cứ tính toán, giải trình; đảm bảo phù hợp với tiến độ thực hiện đến hết 31 tháng 12 năm 2023.

Kế hoạch KH, CN & ĐMST năm 2023 cần gắn với việc tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung về KH, CN & ĐMST trong các Luật, Nghị quyết của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ, Chương trình hành động của Chính phủ, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; các nhiệm vụ khác được Lãnh đạo Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ giao, phù hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021 – 2025, định hướng Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2021 – 2030, phù hợp với định hướng mục tiêu, chiến lược phát triển KH, CN & ĐMST giai đoạn 2021 - 2030 trên quan điểm chỉ đạo về lấy doanh nghiệp làm trung tâm, viện nghiên cứu, trường đại học là các chủ thể nghiên cứu mạnh; chú trọng thu hút nguồn lực xã hội đặc biệt là từ Quỹ phát triển KH&CN của các doanh nghiệp để đầu tư cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo tại doanh nghiệp.

Chủ động sắp xếp thứ tự ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án KH, CN & ĐMST đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2023 trên cơ sở nguồn lực (bao gồm cả nguồn hợp pháp khác theo quy định).

2. Xác định tổng mức kinh phí cho hoạt động KH&CN

Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương dự trù tổng mức kinh phí để xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2023 dựa trên tổng mức kinh phí được giao và tình hình thực hiện, sử dụng kinh phí của các nhiệm vụ năm 2022 (đối với kinh phí chi thường xuyên cho các tổ chức KH&CN công lập cần căn cứ theo chức năng và nhiệm vụ được giao để xây dựng dự toán theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập). Trường hợp mức kinh phí dự kiến tăng các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thuyết minh rõ lý do và sắp xếp các nhiệm vụ theo thứ tự ưu tiên để Bộ

KH&CN xem xét cân đối chung trong tổng thể ngân sách dành cho hoạt động KH&CN theo quy định.

3. Xác định cơ cấu kinh phí cho các loại hình nhiệm vụ KH&CN

Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương xác định cơ cấu kinh phí đầu tư phát triển và sự nghiệp KH&CN với cơ cấu kinh phí dành cho các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, cấp bộ, cấp cơ sở năm 2023 (trong đó có tỷ lệ phù hợp giữa các đề tài, dự án nghiên cứu và các nhiệm vụ tăng cường năng lực nghiên cứu, chống xuống cấp sử dụng vốn sự nghiệp khoa học), đề xuất mức cơ cấu kinh phí cho năm 2023 và các năm tiếp theo theo bám sát việc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược KH&CN đã được phê duyệt và các nhiệm vụ theo yêu cầu của Chính phủ, các nhiệm vụ KH&CN quốc gia cấp bách có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của đất nước hoặc có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh quốc gia, các đề xuất đặt hàng của các tổ chức chính trị - xã hội, các ban của Đảng; tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp Trung ương.

4. Dự toán ngân sách năm 2023 cho các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh

Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách KH, CN & ĐMST năm 2023 ngoài phần nội dung, các bảng số liệu về kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2023 cho các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh cần làm rõ thành 3 phần chính và các nhiệm vụ được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên triển khai:

Phần 1: Danh mục nhiệm vụ và mức kinh phí dành cho các nhiệm vụ chuyển tiếp thực hiện trong năm 2023.

Phần 2: Danh mục nhiệm vụ và mức kinh phí cho các nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt về nội dung và dự toán kinh phí đến ngày 30/6/2022.

Phần 3: Danh mục các nhiệm vụ và khái toán kinh phí cho các nhiệm vụ dự kiến mở mới sau ngày 30/6/2022 và triển khai thực hiện trong năm 2023.

II. Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ KH&CN các cấp

1. Nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia

Năm 2023, việc tổ chức xây dựng các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia được tiến hành theo quy trình sau đây:

1.1. Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc tái cơ cấu các các chương trình KH&CN cấp quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến

năm 2030³, Bộ KH&CN đã quyết định thành lập các Ban chủ nhiệm Chương trình KH&CN cấp quốc gia giai đoạn 2021-2025 (Danh mục tên các Ban chủ nhiệm Chương trình KH&CN cấp quốc gia trong Phụ lục 3.2 kèm theo Công văn này). Để bảo đảm tiến độ xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2023, Bộ KH&CN đề nghị các bộ, cơ quan trung ương và địa phương hướng dẫn các đơn vị trực thuộc đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia theo mục tiêu, nội dung và dự kiến sản phẩm của các chương trình KH&CN cấp quốc gia (thông tin đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Bộ KH&CN) gửi trực tiếp về Bộ KH&CN hoặc gửi về các tổ chức là đầu mối quản lý nhà nước về KH&CN của bộ, cơ quan trung ương, địa phương để xem xét và xử lý, tổng hợp gửi Bộ KH&CN theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 và Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

1.2. Đối với các bộ, cơ quan trung ương được Thủ tướng Chính phủ giao chủ trì các chương trình KH&CN cấp quốc gia/nhiệm vụ KH&CN đặc biệt giai đoạn 2021 - 2025 cần phối hợp chặt chẽ với Bộ KH&CN tổ chức xác định nhiệm vụ; tuyển chọn hoặc xét chọn nhiệm vụ KH&CN, thẩm định và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để làm căn cứ bố trí kế hoạch năm 2023 theo các quy định của Luật KH&CN, các văn bản hướng dẫn Luật và hướng dẫn của Bộ KH&CN.

1.3. Đối với các nhiệm vụ KH&CN theo Nghị định thư được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 10/2019/TT-BKHCN ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ KH&CN nghệ quy định quản lý nhiệm vụ KH&CN theo Nghị định thư.

1.4. Về các dự án trong Chương trình Hỗ trợ ứng dụng chuyển giao KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2025. Hiện nay, tổng số dự án đã và đang triển khai có số lượng lớn kèm theo là kinh phí chuyển tiếp cho các năm 2022 đến 2025. Để đảm bảo khả năng cân đối của ngân sách nhà nước cho Chương trình, về cơ bản Bộ KH&CN ưu tiên dành kinh phí cho các nhiệm vụ chuyển tiếp đã và đang triển khai, chỉ xem xét hạn chế đối với những đề xuất đã gửi tới Bộ KH&CN và những đề xuất mở mới trong kế hoạch 2023 những nội dung đặc biệt cấp thiết. Do vậy, đề nghị các địa phương tập trung triển khai và nhân rộng các mô hình đã được chuyển giao bằng nguồn lực của địa phương và các nguồn khác (từ các tổ chức, doanh nghiệp...) đảm bảo tính hiệu quả và lan tỏa của Chương trình.

³ Công văn số 1066/TTg-KGVX ngày 05 tháng 8 năm 2021.

1.5. Đối với các nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản do Quỹ Phát triển khoa học công nghệ quốc gia (Quỹ Nafosted) tài trợ kinh phí, các bộ, cơ quan trung ương, địa phương cần thông báo cho các tổ chức KH&CN, các doanh nghiệp trực thuộc hoặc các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố chuẩn bị hồ sơ đề nghị Nhà nước hỗ trợ kinh phí theo hướng dẫn và thông báo của Quỹ Phát triển KH&CN quốc gia thuộc Bộ KH&CN để xem xét tổng hợp.

1.6. Sau khi nhận được đề xuất các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia do các bộ, cơ quan trung ương, địa phương hoặc từ các tổ chức, cá nhân gửi đến, Bộ KH&CN thông qua hội đồng khoa học để tư vấn cho việc hình thành các nhiệm vụ nghiên cứu ở tầm Quốc gia với mục tiêu, nội dung, sản phẩm rõ ràng và tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp, thẩm định, phê duyệt nội dung kinh phí theo quy định hiện hành để làm căn cứ bố trí thực hiện trong kế hoạch năm 2023.

1.7. Ngoài nội dung hướng dẫn trên, các bộ, cơ quan trung ương, địa phương chuẩn bị nội dung và phối hợp với Bộ KH&CN để triển khai các Chương trình/Kế hoạch KH&CN Quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đến năm 2025 và 2030 theo danh mục trong Phụ lục 3.1 kèm theo.

1.8. Đối với những nhiệm vụ do Lãnh đạo Đảng, Chính phủ giao trực tiếp cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương: các bộ, cơ quan trung ương và địa phương chủ động tổ chức thực hiện như nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp tỉnh. Trường hợp vượt quá khả năng giải quyết của các bộ, cơ quan trung ương, đề nghị báo cáo lãnh đạo Đảng, Chính phủ giao cho Bộ KH&CN xem xét hình thành nhiệm vụ cấp quốc gia và tổ chức thực hiện.

2. Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở

2.1. Cùng với việc hướng dẫn các đơn vị trực thuộc đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia gửi Bộ KH&CN, các bộ, cơ quan trung ương, địa phương trên cơ sở tổng kết đánh giá hoạt động KH, CN & ĐMST giai đoạn 2016-2020, năm 2021, 06 tháng đầu năm và ước thực hiện 06 tháng cuối năm 2022 cần chủ động và phối hợp chặt chẽ với Bộ KH&CN để xây dựng các chương trình KH&CN trọng điểm cấp bộ hoặc cấp tỉnh, thành phố phù hợp với định hướng chiến lược phát triển và kế hoạch giai đoạn 2021 – 2025 tầm nhìn 2030 của ngành, địa phương và chiến lược phát triển KH, CN & ĐMST đến năm 2030. Căn cứ vào mục tiêu, nội dung và sản phẩm của các chương trình đã được xác định hoặc các nhiệm vụ KH&CN được Chính phủ giao và các quy định của Nhà nước, quy định của từng bộ, cơ quan trung ương, địa phương để hướng dẫn các đơn vị trực thuộc đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở, sau đó tổng hợp thành danh mục các nhiệm vụ KH&CN của bộ, cơ quan trung ương,

địa phương mình và tổ chức thực hiện việc xác định nhiệm vụ, tuyển chọn hoặc xét chọn, thẩm định nội dung và kinh phí trình Thủ trưởng cơ quan bộ, cơ quan trung ương hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt làm căn cứ bố trí kế hoạch năm 2023 theo tiến độ ở Mục III dưới đây.

Các bộ, cơ quan trung ương, địa phương chỉ lập dự toán kinh phí cho các nhiệm vụ KH&CN đã được thẩm định và phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản hướng dẫn việc xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, xét chọn, thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ KH&CN.

2.2. Đối với các nhiệm vụ tăng cường năng lực hỗ trợ nghiên cứu, chống xuống cấp các tổ chức KH&CN: Để các tổ chức KH&CN có thể tự chủ được tài chính theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ, trên cơ sở quy hoạch, định hướng phát triển ngành hoặc lĩnh vực đã được phê duyệt giai đoạn 2021-2025, các bộ, cơ quan trung ương, địa phương cần rà soát và đánh giá hiệu quả của việc thực hiện các nhiệm vụ tăng cường năng lực hỗ trợ nghiên cứu, chống xuống cấp các tổ chức KH&CN trực thuộc trong những năm trước đây để đảm bảo sự cần thiết phải tiếp tục xây dựng hoặc xây dựng mới các dự án, đặc biệt là các nhiệm vụ tăng cường năng lực nghiên cứu, chống xuống cấp. Các nhiệm vụ này cần được thẩm định và phê duyệt theo quy định sau khi có ý kiến của Hội đồng KH&CN cấp bộ, tỉnh, thành phố.

2.3. Trong giai đoạn 2023- 2025 và đến 2030, Bộ KH&CN chủ trương tập trung phát triển một số tổ chức khoa học và công nghệ đạt trình độ khu vực và thế giới; tiến hành đánh giá và công nhận các phòng thí nghiệm của viện, trường, doanh nghiệp để làm cơ sở ưu tiên hỗ trợ nguồn lực gắn với các nhóm nghiên cứu mạnh, nhà khoa học, nhà công nghệ giỏi; tăng cường đầu tư kinh phí từ ngân sách nhà nước cho duy trì, bảo hành, bảo trì thiết bị, máy móc, cán bộ kỹ thuật để vận hành các phòng thí nghiệm do nhà nước đầu tư. Do đó, Bộ KH&CN đề nghị các bộ, cơ quan trung ương, địa phương đề xuất tên tổ chức nghiên cứu phát triển hoặc nhóm nghiên cứu mạnh trực thuộc xếp theo thứ tự ưu tiên, đồng thời thuyết minh rõ hiện trạng và năng lực để trên cơ sở đó Bộ KH&CN xử lý, cập nhật thông tin và tổng hợp trình Chính phủ, Quốc hội xem xét, quyết định.

2.4. Đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN để cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới hoặc đầu tư xây dựng cơ bản cho các phòng thí nghiệm, các tổ chức nghiên cứu – phát triển:

- Bám sát và đảm bảo phù hợp với tiến độ, nội dung của việc xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, Kế hoạch phát triển

kinh tế xã hội 5 năm 2021-2025 của quốc gia và của ngành, lĩnh vực, địa phương, các quy hoạch có liên quan theo quy định của Luật Quy hoạch. Căn cứ quy hoạch phát triển ngành hoặc lĩnh vực, các bộ, cơ quan trung ương, địa phương cần rà soát lại và đánh giá hiệu quả của việc thực hiện các dự án xây dựng cơ bản cho KH&CN để cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới hoặc đầu tư chiều sâu cho các phòng thí nghiệm của các tổ chức KH&CN. Trường hợp các bộ, cơ quan trung ương, địa phương có nhu cầu tiếp tục cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới, đầu tư chiều sâu cho các phòng thí nghiệm hoặc đầu tư cho các tổ chức nghiên cứu – phát triển thì hướng dẫn các đơn vị trực thuộc tiến hành điều tra, khảo sát, xây dựng dự án, thẩm định, phê duyệt theo các quy định hiện hành về quản lý vốn đầu tư và xây dựng.

- Việc xây dựng, thẩm định và phê duyệt các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN cần có sự chỉ đạo thống nhất của Lãnh đạo Bộ, cơ quan trung ương, trong đó có sự phân công trách nhiệm rõ ràng, sự phối hợp chặt chẽ giữa Vụ KH&CN với các đơn vị có chức năng tổng hợp (Vụ Kế hoạch hoặc Vụ Kế hoạch – Tài chính/Ban Kế hoạch – Tài chính, Vụ Xây dựng cơ bản, Vụ Đầu tư, Cục Đầu tư) và địa phương là Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và Sở KH&CN trong việc chuẩn bị các thủ tục đầu tư, xây dựng, thẩm định và phê duyệt dự án, bố trí kế hoạch, chỉ đạo, điều hành, giải ngân và thanh quyết toán vốn thực hiện dự án theo các quy định hiện hành để bảo đảm hiệu quả đầu tư.

Bộ KH&CN đề nghị các bộ, cơ quan trung ương, địa phương không dự toán vốn đầu tư phát triển cho KH&CN để thực hiện các dự án khi các dự án này chưa được xây dựng, thẩm định và phê duyệt trước thời hạn quy định.

2.5. Riêng đối với việc sử dụng kinh phí đầu tư phát triển cho KH&CN để xây dựng và phát triển tiềm lực KH&CN ở địa phương, các Sở KH&CN cần phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trong việc chuẩn bị chủ trương đầu tư, mục tiêu, quy mô và nội dung đầu tư, đồng thời cần chủ động chuẩn bị các dự án theo yêu cầu tại Điểm 2.4 nói trên.

Kinh phí đầu tư phát triển cho KH&CN của các tỉnh, thành phố được sử dụng để chi cho các nội dung bao gồm: các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị, công nghệ phục vụ mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ, thí nghiệm, thực nghiệm, phân tích, kiểm định, kiểm nghiệm, tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, sở hữu trí tuệ, thiết kế chuyên dụng trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu và phát triển, hỗ trợ phát triển công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy

sản ứng dụng công nghệ cao, ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin và cơ sở dữ liệu về KH&CN, thông tin và thông kê KH&CN, thư viện KH&CN.

Vào thời điểm khi các Bộ, ngành, địa phương làm việc với Bộ KH&CN, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2023, Bộ KH&CN yêu cầu các bộ, cơ quan trung ương, địa phương phải có Thuyết minh chi tiết về các nhiệm vụ có liên quan và thể hiện các nhiệm vụ đó trong Đề án kế hoạch KH&CN năm 2023 của bộ, cơ quan trung ương, địa phương, đính kèm Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền. Các bộ, cơ quan trung ương, địa phương không dự toán ngân sách khi các nhiệm vụ chưa được xây dựng, thẩm định và phê duyệt dự toán kinh phí.

3. Kế hoạch hoạt động khác đối với KH, CN và ĐMST

3.1. Lĩnh vực Năng lượng nguyên tử

Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương xác định nhiệm vụ trọng tâm về nghiên cứu, ứng dụng năng lượng nguyên tử cần giải quyết để góp phần phát triển ngành, lĩnh vực bắt đầu thực hiện năm 2023 kèm theo danh mục các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng năng lượng nguyên tử, các dự án đầu tư phục vụ phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử dự kiến đề xuất thực hiện từ năm 2023 và đề xuất, kiến nghị đối với quản lý hoạt động KH&CN trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.

3.2. Lĩnh vực xây dựng kế hoạch tiêu chuẩn đo lường chất lượng

Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ và đặc thù ngành, địa phương để xây dựng kế hoạch hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng năm 2023 phù hợp và bảo đảm tính khả thi, trong đó lưu ý một số nội dung sau:

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy phạm pháp luật lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và đánh giá sự phù hợp theo hướng cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tuân thủ cam kết của Hiệp định TBT về nghĩa vụ minh bạch hóa;

- Đẩy mạnh công tác xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý theo hướng hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực; thiết lập nền tảng tiêu chuẩn hóa cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh;

- Xây dựng và phát triển Hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI) giai đoạn đến năm 2025 thuộc phạm vi quản lý;

- Triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp được giao tại các chương trình, đề án, kế hoạch lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, năng suất và truy xuất nguồn gốc đã được Thủ tướng Chính phủ giao, trong đó lưu ý:

+ Đối với Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030: đề nghị các bộ quản lý ngành, địa phương tích cực triển khai các nhiệm vụ được giao thuộc Chương trình; tập trung nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế chính sách, các giải pháp nâng cao năng suất chất lượng ngành, địa phương và doanh nghiệp; phát triển đội ngũ chuyên gia năng suất chất lượng; đẩy mạnh triển khai các nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp trong nước phục hồi, tăng trưởng năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa sau đại dịch Covid-19;...

+ Đối với Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: đề nghị khẩn trương ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất của ngành, địa phương để bảo đảm các giải pháp hỗ trợ tổng thể của nhà nước nâng cao năng suất, chất lượng;

+ Đối với Đề án tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường để hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030: tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình, chú trọng tới hoạt động hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện Chương trình đảm bảo đo lường tại doanh nghiệp;

+ Đối với Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc: xây dựng, vận hành hệ thống truy xuất nguồn gốc, cơ sở dữ liệu sản phẩm, hàng hóa thuộc thẩm quyền, bảo đảm kết nối với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia, hoàn thành trước năm 2025; xây dựng đề án, chương trình, kế hoạch triển khai áp dụng truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm, hàng hóa thuộc thẩm quyền.

3.3. Lĩnh vực sở hữu trí tuệ

- *Đề nghị các bộ, cơ quan trung ương triển khai các nhiệm vụ:*

+ Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ nhằm khuyến khích đổi mới sáng tạo; xây dựng ý thức tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, hình thành văn hóa sở hữu trí tuệ trong xã hội;

+ Tập huấn, hướng dẫn bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở nước ngoài; nâng cao năng lực khai thác, quản trị tài sản trí tuệ cho các doanh nghiệp và các tổ chức KH&CN;

+ Triển khai các chương trình, hoạt động bảo vệ, ngăn chặn các hành vi xâm phạm quyền trong môi trường kỹ thuật số.

- Đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố triển khai các hoạt động:

- + Đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ cho các sản phẩm chủ lực ra nước ngoài;
- + Bảo hộ, quản lý, phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm nông nghiệp trong nước gắn với đăng ký mã số vùng trồng, kiểm soát chất lượng và nguồn gốc sản phẩm được bảo hộ.

3.4. Hoạt động hợp tác và hội nhập quốc tế về KH, CN & ĐMST

Khuyến khích các tổ chức KH&CN, cơ sở nghiên cứu, trường đại học thúc đẩy ký kết và triển khai các hoạt động hợp tác và hội nhập quốc tế về KH, CN & ĐMST; tăng cường tham gia các chương trình nghiên cứu quốc tế, nhiệm vụ hợp tác song phương và đa phương với các viện, trường, doanh nghiệp mạnh của nước ngoài nhằm giải quyết những vấn đề thực tiễn của Việt Nam.

3.5. Công tác phát triển thị trường khoa học và công nghệ

Đề nghị các bộ, cơ quan trung ương và địa phương xây dựng kế hoạch KH, CN & ĐMST năm 2023 lồng ghép các nội dung hỗ trợ về phát triển thị trường khoa học và công nghệ trong các chương trình quốc gia về KH&CN, trong đó nhiệm vụ trọng tâm thực hiện Quyết định số 1158/TTg-CP ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030. Trong đó ưu tiên trọng tâm xây dựng một số nội dung giải pháp và kế hoạch như xây dựng và lồng ghép kế hoạch phát triển thị trường KH&CN vào kế hoạch phát triển KH&CN, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển lực lượng tổ chức trung gian của thị trường KH&CN, thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu, có kế hoạch đào tạo tập huấn nâng cao trình độ, nghiệp vụ cho lực lượng tư vấn viên tham gia hoạt động chuyển giao thương mại hóa kết quả nghiên cứu, xây dựng kế hoạch xúc tiến và truyền thông phát triển thị trường KH&CN trong và ngoài nước.

3.6. Về công tác phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

- Đối với các bộ, cơ quan trung ương:

+ Tập trung phát triển mạnh mẽ hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo tại các Bộ, ngành, lấy doanh nghiệp làm trung tâm và kết nối, chủ động phát huy tối đa thế mạnh trong hoạt động nghiên cứu khoa học của các viện nghiên cứu, trường đại học;

+ Nghiên cứu, xây dựng hình thành hệ thống trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo tại các Bộ, ngành, lĩnh vực;

+ Đẩy mạnh xây dựng, phát triển mạng lưới khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại các Bộ, ngành, lĩnh vực, tăng cường liên kết với mạng lưới đổi mới sáng tạo trong và ngoài nước;

+ Chủ động phối hợp, tham gia phát triển nền tảng đổi mới sáng tạo mở quốc gia nhằm khuyến khích đặt hàng giữa doanh nghiệp dẫn dắt, doanh nghiệp lớn, tập đoàn trong nước và quốc tế với các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, nhằm giải quyết các vấn đề, thách thức trong quản lý, kinh doanh.

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố

+ Tiếp tục tập trung thúc đẩy phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại địa phương và khu vực thông qua thực hiện Quyết định số 844/QĐ/TTg ngày 18 tháng 5 năm 2016, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 188/QĐ-TTg ngày 09 tháng 02 năm 2021, lấy doanh nghiệp làm trung tâm và kết nối, chủ động phát huy tối đa tiềm năng của địa phương và thế mạnh trong hoạt động nghiên cứu khoa học của các viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo, đặc biệt là các trường đại học vùng;

+ Nghiên cứu, xây dựng hình thành và phát triển hệ thống trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo tại địa phương bám sát khung hướng dẫn tại công văn số 3701/BKHCN-PTTĐN ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ và các quy định hiện hành.

3.7. Công tác quy hoạch, triển khai cơ chế tự chủ, trọng dụng, đào tạo nhân lực KH&CN

- Thực hiện quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý (sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050).

- Triển khai cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập theo quy định hiện hành.

- Thực hiện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về KH&CN ở địa phương.

- Thực hiện các quy định về quản lý công chức, viên chức ngành KH&CN:

+ Xây dựng vị trí việc làm công chức và vị trí việc làm viên chức chuyên ngành KH&CN (sau khi có văn bản hướng dẫn);

+ Thực hiện quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành KH&CN.

- Thực hiện chính sách trọng dụng, thu hút, đào tạo nhân lực KH&CN:

+ Thực hiện các quy định về sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN tại Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN và Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP;

+ Thực hiện việc thuê đảm nhiệm chức danh lãnh đạo tổ chức khoa học và công nghệ công lập đối với người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam (sau khi có văn bản hướng dẫn);

+ Triển khai đào tạo, bồi dưỡng nhân lực ngành KH&CN: bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý KH, CN & ĐMST; bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành KH&CN; đào tạo, bồi dưỡng theo Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực KH&CN ở trong nước và nước ngoài bằng ngân sách nhà nước - Đề án 2395 (đề xuất nhu cầu, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng theo Đề án gửi Bộ KH&CN).

III. TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KH&CN NĂM 2023

- *Trước ngày 15/4/2022*: Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương hoàn thành việc hướng dẫn các đơn vị trực thuộc và tổng hợp các đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia gửi Bộ KH&CN.

- *Dự kiến cuối tháng 4/2022*: Bộ KH&CN sẽ tổ chức một số buổi làm việc với các bộ, cơ quan trung ương và địa phương để triển khai kế hoạch KH, CN & ĐMST giai đoạn 2021 – 2025 định hướng đến 2030.

- *Khoảng đầu tháng 5/2022*: Bộ KH&CN sẽ có hướng dẫn bổ sung chi tiết hơn để xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách cho hoạt động KH, CN & ĐMST 5 năm 2021-2025.

- *Trước ngày 30/6/2022*: Các bộ, cơ quan trung ương, địa phương hoàn thành việc tổ chức các Hội đồng xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, xét giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN của địa phương, thẩm định, phê duyệt kinh phí để bố trí kế hoạch thực hiện năm 2023 và tổng hợp vào kế hoạch KH&CN năm 2023 gửi Bộ KH&CN.

- *Đến 30/6/2022*: Các bộ, cơ quan trung ương, địa phương gửi kế hoạch KH&CN năm 2023 về Bộ KH&CN (02 bản) để Bộ KH&CN tổng hợp, làm việc

thống nhất với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về dự toán ngân sách năm 2023 của ngành KH&CN.

- Từ tháng 8/2022 đến tháng 12/2022: Bộ KH&CN phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, cơ quan trung ương, địa phương hoàn thành việc bố trí kế hoạch, hướng dẫn thực hiện các nội dung kế hoạch và ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN năm 2023.

- Trước ngày 31/12/2022, các bộ, cơ quan trung ương, địa phương quyết định phương án phân bổ, giao kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2023 cho các đơn vị trực thuộc.

Trong quá trình thực hiện kế hoạch năm 2022 và xây dựng kế hoạch KH, CN & ĐMST năm 2023 nếu có những chính sách, chế độ mới ban hành, Bộ KH&CN sẽ có thông báo hướng dẫn bổ sung; trường hợp phát sinh vướng mắc trong công tác tổ chức thực hiện, các bộ, cơ quan trung ương, địa phương phản ánh về Bộ KH&CN để kịp thời xử lý.

Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn nội dung kế hoạch kế hoạch KH, CN & ĐMST năm 2023 để các bộ, cơ quan trung ương, địa phương biết và cùng phối hợp tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để p/h chỉ đạo);
- Các Ban CN Chương trình;
- Các Cục/Vụ/đơn vị chức năng thuộc Bộ KH&CN;
- Lưu: VT, KHTC.



Lê Xuân Định



DANH MỤC CÁC PHỤ LỤC

(Kèm theo Công văn số 683/BKH&CN-KHTC ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Phụ lục 1:

Biểu TK1-1: Kết quả hoạt động KH, CN & ĐMST năm 2021 và 06 tháng đầu năm 2022.

Biểu TK1-2: Kết quả hoạt động KH, CN & ĐMST nổi bật 2021 và 06 tháng đầu năm 2022.

Biểu TK1-3: Kết quả Chương trình KH&CN cấp quốc gia năm 2021 và 06 tháng đầu năm 2022.

Biểu TK1-4: Nhân lực và tổ chức KH&CN.

Biểu TK1-5: Kết quả hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN.

Biểu TK1-6: Văn bản quản lý nhà nước về KH&CN được ban hành.

Biểu TK1-7: Kết quả triển khai thực hiện cơ chế khoán đối với nhiệm vụ KH&CN.

Biểu TK1-8: Kết quả hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN bộ, ngành, địa phương.

Phụ lục 2:

Biểu TK2-1: Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ KH&CN thuộc các Chương trình KH&CN cấp quốc gia thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành năm 2023.

Biểu TK2-2: Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, tỉnh năm 2023.

Biểu TK2-3: Kế hoạch vốn đầu tư phát triển KH&CN năm 2023.

Biểu TK2-4: Dự kiến kinh phí KH&CN năm 2023 của các bộ, ngành, cơ quan trung ương.

Biểu TK2-5: Dự kiến kinh phí KH&CN năm 2023 của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Phụ lục 3:

Phụ lục 3.1: Danh mục các Chương trình/Đề án KH&CN Quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đến năm 2025 và định hướng đến 2030.

Phụ lục 3.2: Danh mục các Ban Chủ nhiệm Chương trình KH&CN cấp quốc gia giai đoạn 2021-2025.

Bộ, Cơ quan trung ương
UBND tỉnh, thành phố....

Phụ lục 1
Biểu TK1-1

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
NĂM 2021 VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2022**

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì, Tác giả	Tóm tắt nội dung	Ghi chú
I	Bài báo, công bố, giải pháp, kiến nghị, ấn phẩm khoa học			<i>Ghi rõ các bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế trong danh mục ISI, Scopus</i>
1				
2				
...				
II	Sáng chế, giải pháp hữu ích; Các loại giống mới; Các loại vắc xin mới, chế phẩm mới; Các bản vẽ thiết kế mới, mẫu máy, thiết bị mới			<i>Ngày, tháng, năm (nộp đơn, tiếp nhận đơn, công nhận của Cơ quan có thẩm quyền)</i>
1				
2				
...				
III	Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hình thành			<i>Tên và loại hình doanh nghiệp; địa chỉ; giấy phép kinh doanh; số quyết định công nhận, nhân lực hiện có...</i>
1				
2				
...				
IV	Hoạt động ứng dụng đổi mới công nghệ điển hình			
1	Sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm đang được hỗ trợ phát triển thông qua các nhiệm vụ KH&CN			Tên sản phẩm, nhiệm vụ KH&CN; tình hình thực hiện
2	Đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ vào sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp			Ghi rõ kết quả, hiệu quả thực hiện, kèm theo tên nhiệm vụ KH&CN; kinh phí thực hiện (chia rõ nguồn vốn từ ngân sách

				trung ương; từ bộ, ngành, địa phương; doanh nghiệp, Quỹ PTKHCN của doanh nghiệp và các nguồn khác).
3	Dự án đầu tư trang thiết bị, công nghệ; dự án tăng cường năng lực nghiên cứu			Đánh giá tình hình thực hiện, số kinh phí và nguồn (trong đó ghi rõ nguồn vốn từ ngân sách trung ương; của bộ, ngành, địa phương; từ doanh nghiệp, tập đoàn, tổng công ty, Quỹ PTKHCN của doanh nghiệp và các nguồn khác).
V	Kết quả khác			<i>Ghi rõ các thông tin có liên quan đến kết quả</i>
1				
...				

Bộ, Cơ quan Trung ương
UBND tỉnh, thành phố....

Phụ lục 1
Biểu TK1-2

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NỔI BẬT
NĂM 2021 VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2022**

STT	Tên sản phẩm/ công trình/công nghệ	Xuất xứ <i>(Ghi rõ xuất xứ của nhiệm vụ ...)</i>	Hiệu quả kinh tế-xã hội <i>(Giải trình chi tiết giá trị làm lợi so sánh với sản phẩm công nghệ cùng loại, ý nghĩa kinh tế xã hội, môi trường...)</i>	Ghi chú
1				
2				

Bộ, Cơ quan Trung ương
UBND tỉnh, thành phố....

Phụ lục 1
Biểu TK1-3

**KẾT QUẢ CỦA CHƯƠNG TRÌNH KH&CN CẤP QUỐC GIA
NĂM 2021 VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2022 (NẾU CÓ)**

STT	Tên Chương Trình/Đề án	Chỉ tiêu/Mục tiêu đề ra	Kết quả đã đạt được	Đánh giá mức độ hoàn thành (%)	Lý do
1					
2					

Bộ, Cơ quan Trung ương
UBND tỉnh, thành phố....

Phụ lục 1
Biểu TK1-4

NHÂN LỰC VÀ TỔ CHỨC KH&CN

Số TT	Tên tổ chức nghiên cứu & phát triển	Số giấy phép đăng ký hoạt động KH&CN/Quyết định phân loại tự chủ tài chính ¹	Nhân lực hiện có đến 30/6/2022						Kinh phí hỗ trợ chi thường xuyên từ NSNN năm 2022 (tr.đ)	Ghi chú (công lập/ ngoài công lập)
			Tổng số	Trong đó hưởng lương SNKH						
				Tổng số	Nghiên cứu viên cao cấp/Kỹ sư cao cấp	Nghiên cứu viên chính/Kỹ sư chính	Nghiên cứu viên/Kỹ sư	Trợ lý nghiên cứu/Kỹ thuật viên		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (6+9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
I	Các đơn vị do cấp bộ, cơ quan TW, địa phương quyết định thành lập									
1										
2										
...										
II	Các đơn vị do cấp khác thành lập được giao cho bộ, cơ quan TW, địa phương trực tiếp quản lý									
1										
2										
...										
	Tổng số									

¹ Phân loại mức tự chủ tài chính thuộc 1 trong 4 loại theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP

Bộ, Cơ quan Trung ương
UBND tỉnh, thành phố....

Phụ lục 1
Biểu TK1-5

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KH, CN & ĐMST
NĂM 2021 VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2022**

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Kết quả đạt được (số lượng)	
			Năm 2021	6 tháng đầu năm 2022
I	Số nhiệm vụ KH&CN được triển khai			
1	Lĩnh vực tự nhiên	N.vụ		
2	Lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ	N.vụ		
3	Lĩnh vực nông nghiệp	N.vụ		
4	Lĩnh vực y, dược	N.vụ		
5	Lĩnh vực xã hội	N.vụ		
6	Lĩnh vực nhân văn	N.vụ		
II	Công tác đánh giá, thẩm định, giám định và chuyển giao công nghệ			
1	Thẩm định/có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư	DA		
2	Thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ	HĐ		
3	Giám định công nghệ	CN		
III	Công tác phát triển năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân			
1	Số nguồn phóng xạ kín			
-	Số nguồn phóng xạ được lắp đặt mới	Nguồn		
-	Số nguồn phóng xạ đã qua sử dụng	Nguồn		
2	Số thiết bị bức xạ được lắp đặt mới			
-	Trong lĩnh vực Y tế	Thiết bị		
-	Trong lĩnh vực Công nghiệp	Thiết bị		
-	Trong An ninh, hải quan	Thiết bị		
3	Lượng đồng vị, dược chất phóng xạ được sử dụng trong Y tế	Curie (Ci)		
4	Thẩm định công nghệ các dự án đầu tư ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ	Dự án		
5	Thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ bức xạ và đồng vị phóng xạ	Hợp đồng		
6	Hướng dẫn hồ sơ cấp phép cho các cơ sở	Cơ sở		
7	Thẩm định, cấp phép hoạt động cho các cơ sở đạt tiêu chuẩn An toàn bức xạ	Giấy phép		
IV	Công tác Sở hữu trí tuệ			
1	Số hồ sơ hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xác lập và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ	Hồ sơ		
2	Số đơn nộp đăng ký	Đơn		
3	Số văn bằng được cấp	Văn bằng		
4	Số vụ xử lý xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	Vụ		

5	Số các dự án phát triển tài sản trí tuệ được hỗ trợ	DA		
6	Số sáng kiến, cải tiến được công nhận	SK		
V	Công tác thông tin và thống kê KH&CN			
1	Bổ sung, phát triển nguồn tài liệu (tài liệu giấy, tài liệu điện tử, cơ sở dữ liệu trực tuyến, ...)	Tài liệu/biểu ghi/CSDL		
2	Ấn phẩm thông tin đã phát hành	Ấn phẩm, phút		
2.1	<i>Tạp chí/bản tin KH&CN</i>	Tạp chí/bản tin		
2.2	<i>Phóng sự trên đài truyền hình</i>	Buổi phát		
3	Xây dựng CSDL (CSDL mới, cập nhập biểu ghi trong CSDL, số hóa tài liệu đưa vào CSDL, ...)	CSDL/biểu ghi/trang tài liệu		
4	Thông tin về nhiệm vụ KH&CN			
4.1	<i>Nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành</i>	N.vụ		
4.2	<i>Nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký kết quả thực hiện</i>	N.vụ		
4.3	<i>Nhiệm vụ KH&CN được ứng dụng</i>	N.vụ		
5	Thống kê KH&CN			
5.1	<i>Số cuộc điều tra/ số phiếu thu được tương ứng</i>	<i>Số cuộc/số phiếu</i>		
5.2	<i>Báo cáo thống kê cơ sở</i>	<i>Báo cáo</i>		
5.3	<i>Báo cáo thống kê tổng hợp</i>	<i>Báo cáo</i>		
6	Kết quả khác (nếu nổi trội)			
VI	Công tác tiêu chuẩn – đo lường – chất lượng			
1	Số phương tiện đo được kiểm định	Phương tiện		
2	Số lượng Tiêu chuẩn kỹ thuật mới được áp dụng	Tiêu chuẩn		
3	Số lượng Quy chuẩn kỹ thuật mới được áp dụng	Quy chuẩn		
4	Số đơn vị hành chính nhà nước đã công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008, ISO 9001:2015	Đơn vị		
5	Số cuộc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Cuộc		
6	Số mẫu được thử nghiệm và thông báo kết quả	Mẫu		
VII	Công tác thanh tra			
1	Số cuộc thanh tra	Cuộc		
2	Số lượt đơn vị thanh tra	Đơn vị		
3	Số vụ vi phạm phát hiện xử lý (nếu có)	Vụ		
4	Số tiền xử phạt (nếu có)	Trđ		
VIII	Hoạt động đổi mới công nghệ			
1	Số nhiệm vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp do các bộ, tỉnh/thành phố trực thuộc TW phê duyệt	N.vụ		

2	Số doanh nghiệp có hoạt động đổi mới công nghệ ²	Doanh nghiệp		
3	Số doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm	Doanh nghiệp		
4	Số công nghệ được chuyển giao, đưa vào ứng dụng	Công nghệ		
5	Số hợp đồng chuyển giao công nghệ được thực hiện	HĐ		
6	Tổng giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ	Tr.đ		
IX	Công tác sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN			
1	Bổ nhiệm đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ	Người		
2	Thăng hạng đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ	Người		
3	Kéo dài thời gian công tác	Người		
4	Trọng dụng nhà khoa học đầu ngành	Người		
5	Trọng dụng nhà khoa học trẻ tài năng	Người		
6	Trọng dụng nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng	Người		
X	Công tác hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp KH&CN			
1	Hỗ trợ và hình thành phát triển doanh nghiệp KH&CN	Doanh nghiệp		
2	Thành lập cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN	Cơ sở		
3	Hỗ trợ cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, các nhóm nghiên cứu mạnh được ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN tại các cơ sở và đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN	Đối tượng		
4	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho đối tượng thành lập doanh nghiệp KH&CN	Đối tượng		
5	Hỗ trợ các tổ chức khoa học và công nghệ công lập chưa chuyển đổi thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Đơn vị		
XI	Công tác phát triển thị trường KH&CN			
1	Giá trị giao dịch mua bán các sản phẩm và	Tr.đ		

² Doanh nghiệp trong năm có một trong các hoạt động sau đây được coi là có đổi mới công nghệ:

(i). Thực hiện nghiên cứu phát triển công nghệ có kết quả được chuyển giao, đánh giá, nghiệm thu hoặc ứng dụng vào sản xuất, kinh doanh hoặc có đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp).

(ii). Có nhận chuyển giao công nghệ hoặc đầu tư, mua sắm mới hoặc nâng cấp máy móc, thiết bị hoặc thay đổi quy trình sản xuất để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến sản phẩm hoặc sản xuất hiệu quả hơn (giảm giá thành sản xuất sản phẩm; giảm tiêu thụ năng lượng; nguyên, nhiên, vật liệu; giảm phát thải, đạt các chỉ tiêu về môi trường; ...).

(iii). Đưa vào áp dụng các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng như: ISO; HACCP; GMP (thực hành sản xuất tốt); KPI (Đo lường hiệu suất); TPM (duy trì năng suất toàn diện); TQM (quản lý chất lượng toàn diện); PMS (cải tiến năng suất toàn diện); thực hành 5S, Six Sigma, Kaizen, ...

(iv). Đạt được các tiêu chuẩn, chứng nhận chuyên ngành: VietGap, Global Gap, GMP, BRC (Tiêu chuẩn thực phẩm toàn cầu),... hoặc nâng cấp lên mức tiêu chuẩn cao hơn (ví dụ: GMP-ASEAN → GMP-WHO → PIC/S → EU-GMP) hoặc đạt được các chứng chỉ quốc tế (chứng chỉ ASTM của Mỹ; JISG3505, JIS3112 của Nhật Bản; ...).

	dịch vụ KH&CN trên thị trường			
2	Tỷ trọng giao dịch mua bán tài sản trí tuệ trên giá trị giao dịch mua bán các sản phẩm và dịch vụ KH&CN	%		
XII	Hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia			
1	Số doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST được hình thành (doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới)	Doanh nghiệp		
2	Số lượng dự án khởi nghiệp ĐMST được hỗ trợ	Dự án		
3	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST được hỗ trợ	Doanh nghiệp		
4	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tham gia gọi vốn được từ các nhà đầu tư mạo hiểm, thực hiện mua bán và sáp nhập/tổng giá trị	Doanh nghiệp/ tổng giá trị		
5	Số lượng các tổ chức ươm tạo, hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST	Tổ chức		
6	Số vốn thu hút đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST	Triệu đồng		

Bộ, Cơ quan Trung ương
UBND tỉnh, thành phố....

Phụ lục 1
Biểu TK1-7

**KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CƠ CHẾ KHOÁN
ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ KH&CN NĂM 2021 VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2022**

Số nhiệm vụ triển khai năm 2021 và 06 tháng đầu năm 2022		
Tổng số	Khoán đến sản phẩm cuối cùng	Khoán từng phần
Cấp Bộ, Tỉnh		
Cấp cơ sở		

Bộ, Cơ quan Trung ương
UBND tỉnh, thành phố....

Phụ lục 1
Biểu TK1-8

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC QUỸ QUỐC GIA VỀ KH&CN
VÀ QUỸ PHÁT TRIỂN KH&CN CỦA BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG,
ĐỊA PHƯƠNG**

Quyết định thành lập (số, ngày tháng năm)	Vốn điều lệ (Triệu đồng)	Hoạt động tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay,		Giải ngân (Triệu đồng)		Ghi chú
		Nội dung	Tổng kinh phí (Triệu đồng)	Năm 2021	06 tháng đầu năm 2022	
		Tài trợ				
		Cho vay				
		Bảo lãnh vốn vay				
					

Bộ, Cơ quan TƯ....

Phụ lục 2
Biểu TK2-4

DỰ TOÁN KINH PHÍ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	NỘI DUNG	KINH PHÍ THỰC HIỆN NĂM 2022	DỰ TOÁN KINH PHÍ NĂM 2023
A	Kinh phí sự nghiệp KH&CN	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>
I	Nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia (các Chương trình/Đề án được tiếp tục giao kinh phí về Bộ, ngành quản lý – nếu có)	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>
1.1	Chương trình/Đề án 1		
1.2	Chương trình/Đề án 2		
....			
II	Nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>
1	Chi thường xuyên		
2	Chi nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ		
3	Các hoạt động KH&CN khác		
3.1			
3.2			
...			
4	Các dự án có tính chất đặc biệt		
4.1			
4.2			
...			
5	Nhiệm vụ KH&CN được Thủ tướng Chính phủ giao		
5.1			
...			
B	Kinh phí đầu tư phát triển	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>
1	Dự án 1		
2	Dự án 2		
...			
	Tổng số (A + B)		

UBND tỉnh, thành phố....

Phụ lục 2
Biểu TK2-5

DỰ KIẾN KINH PHÍ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	NỘI DUNG	KINH PHÍ TW THÔNG BÁO NĂM 2022	KINH PHÍ UBND TỈNH, TP PHÊ DUYỆT 2022	KINH PHÍ THỰC HIỆN NĂM 2022	KINH PHÍ DỰ KIẾN NĂM 2023
I	Kinh phí sự nghiệp KH&CN	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>
1	Kinh phí nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia chuyên tiếp cấp về địa phương quản lý (chi tiết theo từng nhiệm vụ)				
2	Chi nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp huyện				
3	Chi nhiệm vụ thường xuyên				
4	Chi hoạt động KH&CN phục vụ quản lý nhà nước				
	Hoạt động Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng				
	Sở hữu trí tuệ				
	Thông tin và thống kê KH&CN				
	Phát triển ứng dụng năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân				
	Đào tạo, tập huấn				
	Đánh giá, thẩm định, giám định và CGCN				
	Thanh tra KH&CN				
	Hợp tác quốc tế				
	Thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN				
5	Chi hoạt động KH&CN cấp huyện				
6	Chi các đơn vị sự nghiệp				
7	Chi tăng cường tiềm lực, chống xuống cấp				
8	Chi khác				
II	Kinh phí đầu tư phát triển	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>
1	Dự án 1				
2	Dự án 2				
...					
	Tổng số	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>

**DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH /ĐỀ ÁN QUỐC GIA VỀ KH&CN
ĐÃ ĐƯỢC THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHÊ DUYỆT ĐẾN 2025
VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN 2030**

Số TT	Tên Chương trình/ Đề án	Văn bản pháp lý
1	Chương trình Phát triển vật lý giai đoạn 2021-2025	Quyết định số 1187/QĐ-TTg ngày 04/8/2020
2	Chương trình phát triển khoa học cơ bản trong lĩnh vực Hóa học, Khoa học sự sống, Khoa học trái đất và Khoa học biển giai đoạn 2017 – 2025	Quyết định số 562/QĐ-TTg ngày 25/4/2017
3	Chương trình Phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030	Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24/12 năm 2020
4	Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030	Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020
5	Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021 – 2030	Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2021
6	Chương trình Đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030	Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 25/01/2021 của
7	Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030	Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 27/01/2021
8	Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030	Quyết định số 157/QĐ-TTg ngày 01/02/2021
9	Chương trình KH&CN trọng điểm cấp quốc gia “nghiên cứu sản xuất vắc xin sử dụng cho người đến năm 2030”	Quyết định số 1657/QĐ-TTg ngày 01/10/ 2021
10	Đề án “Thúc đẩy, chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”	Quyết định số 1851/QĐ-TTg ngày 27/12/ 2018 và Quyết định số 138/QĐ-TTg ngày 26/01/ 2022

Lưu ý: Thông tin chi tiết về các Chương trình xem trên website của Chính phủ và Cổng thông tin điện tử của Bộ KH&CN.

**DANH MỤC CÁC BAN CHỦ NHIỆM
CHƯƠNG TRÌNH KH&CN CẤP QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025**

Số TT	Tên Ban chủ nhiệm Chương trình	Số Quyết định
1	Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ cơ khí tự động hóa	Quyết định số 248/QĐ-BKHCN ngày 02/3/2022
2	Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển Chính phủ số và đô thị thông minh	Quyết định số 249/QĐ-BKHCN ngày 02/3/2022
3	Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ năng lượng	Quyết định số 296/QĐ-BKHCN ngày 10/3/2022
4	Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ vật liệu	Quyết định số 295/QĐ-BKHCN ngày 10/3/2022
5	Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ phát triển ngành công nghiệp môi trường	Quyết định số 297/QĐ-BKHCN ngày 10/3/2022
6	Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến phục vụ công nghiệp hóa dược và dược phẩm	Quyết định số 299/QĐ-BKHCN ngày 10/3/2022
7	Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ chế biến, bảo quản, bảo quản nông lâm thủy sản và cơ giới hóa nông nghiệp	Quyết định số 298/QĐ-BKHCN ngày 10/3/2022
8	Nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ bảo vệ môi trường, phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.	Quyết định số 291/QĐ-BKHCN ngày 10/3/2022
9	Nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển	Quyết định số 292/QĐ-BKHCN ngày 10/3/2022
10	Nghiên cứu đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh mới	Quyết định số 287/QĐ-BKHCN ngày 10/3/2022
11	Xây dựng và hoàn thiện thể chế tạo động lực phát triển nhanh và bền vững đất nước trong điều kiện mới	Quyết định số 288/QĐ-BKHCN ngày 10/3/2022
12	Nghiên cứu, phát huy giá trị và nguồn nhân lực nhân văn phục vụ phát triển đất nước	Quyết định số 289/QĐ-BKHCN ngày 10/3/2022
13	Nghiên cứu các vấn đề quốc tế và khu vực nhằm chủ động, tích cực hội nhập quốc tế	Quyết định số 290/QĐ-BKHCN ngày 10/3/2022

**DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ NHẬN CÔNG VĂN HƯỚNG DẪN
KẾ HOẠCH NĂM 2023 (Số 683/BKH-CN-KHTC ngày 31/3/2022)**

STT	ĐƠN VỊ
A	Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ
1	Bộ Giáo dục và Đào tạo
2	Đại học Quốc gia Hà Nội
3	Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh
4	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
5	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam
6	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
7	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
8	Bộ Y tế
9	Bộ Công an
10	Bộ Quốc phòng
10.1	Ban Cơ yếu Chính phủ
11	Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh
12	Văn phòng Trung ương Đảng
13	Văn phòng Chính phủ
14	Văn phòng Quốc hội
15	Bộ Tư pháp
16	Kiểm toán Nhà nước
17	Thanh tra Chính phủ
18	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao
19	Toà án nhân dân tối cao
20	Bộ Công thương
21	Bộ Xây dựng
22	Bộ Thông tin và Truyền thông
23	Bộ Tài nguyên và Môi trường

24	Bộ Giao thông vận tải
25	Bộ Tài chính
26	Bộ Nội vụ
27	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
28	Bộ Văn hoá , Thể thao và Du lịch
29	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội
30	Bộ Ngoại giao
31	Ban quản lý Khu công nghệ cao Hoà lạc
32	Bộ Khoa học và Công nghệ: <ul style="list-style-type: none"> - Bộ trưởng và các Thứ trưởng; - Các Vụ, Cục, Tổng cục; - 02 Quỹ KH&CN - Văn phòng Bộ; - 03 Văn phòng: VPTĐ, VPCTQG, VPNTMN - Vụ KHTC (20 bản) - 13 Ban chủ nhiệm Chương trình (thông qua đầu mỗi các Vụ ngành)
33	Ủy ban Dân tộc
34	Đài Tiếng nói Việt Nam
35	Thông tấn xã Việt Nam
36	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
37	Liên minh Hợp tác xã Việt Nam
38	Hội Nông dân Việt Nam
39	Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh
40	Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam
41	Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam
42	Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
43	Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam
44	Hội Nhà văn
45	Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật Việt Nam
46	Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp
B	<ul style="list-style-type: none"> - Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc TW - Các Sở KH&CN